TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 02 - 2019
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn;

2. Ông Nguyễn Thanh Lâm.

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2019/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 và quyết định hoãn phiên toà số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Tuyết N,** sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã T L, huyện B Đ , tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Võ Thanh N**, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2(Vinh Tân), xã V Q Đ, huyện B Đ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N trình bày:*

Chị và anh N cưới nhau vào năm 2001 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 79, Quyển 01 ngày 13/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Vang Quới Đông, huyện B Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N không lo làm ăn ham mê cờ bạc, không chăm lo đời sống vợ con. Chị và anh N đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thanh B, sinh ngày 13/12/2002. Hiện cháu B đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Trong các lần mời hoà giải, làm việc cũng như tại phiên toà anh Võ Thanh N đều vắng mặt nên không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Có đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại tất cả các lần hòa giải, cũng như xét xử là không chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, việc gửi và tống đạt thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự là còn vi phạm Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự, nên kiến nghị khắc phục trong thời gian tới.

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Tuyết N đối với anh Võ Thanh N.

Về con chung: Chị Lê Thị Tuyết N được nuôi con chung tên Võ Thanh B, sinh ngày 13/12/2002. Ghi nhận sự tự nguyện chị N nuôi con chung không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: chị N khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Anh Võ Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết N và anh Võ Thanh N kết hôn vào năm 2001, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vang Quới Đông vào năm 2003 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn và anh N chị N đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Chị N cho

rằng anh N không lo làm ăn ham mê cờ bạc, không chăm lo đời sống vợ con mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ và cho anh N cơ hội để sửa đổi nhưng anh N vẫn không sửa đổi điều đó cho thấy cuộc sống chung giữa chị N và anh N đã phát sinh mâu thuẫn, giữa chị N và anh N đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hơn nữa, Toà án đã tiến hành mời anh N và chị N để hoà giải cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N vẫn vắng mặt không lí do, cho thấy anh N đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên yêu cầu ly hôn của chị N với anh N được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2]. *Về con chung:* Quá trình chung sống chị N, anh N có 01 con chung tên Võ Thanh B, sinh ngày 13/12/2002, chị N yêu cầu nuôi cháu B và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ trước đến nay cháu B đều sống chung với chị N và chị N nuôi con chung vẫn phát triển B thường, cháu B cũng có nguyện vọng sống chung với chị N nên nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh chị. Do đó, để chị N nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N; Ghi nhận sự tự nguyện chị N nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[3]. *Về tài sản chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đại về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. *Về án phí :* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: chị Lê Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Tuyết N đối với anh Võ Thanh N. Chị Lê Thị Tuyết N được ly hôn với anh Võ Thanh N.

[2]. Về con chung:

Chị Lê Thị Tuyết N được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thanh B, sinh ngày 13/12/2002. Ghi nhận sự tự nguyện chị N nuôi con chung, không yêu cầu anh Võ Thanh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Không có, nên không xét đến.

[4]. Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

[5]. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019381 ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B Đại. Vậy chị Lê Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị Tuyết N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Võ Thanh N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện B Đại;
- Chi cục THADS huyện B Đại;
- UBND Vang Quới Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu